

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **193/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 19-12-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi
ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Nguyên và bà Phan Hoàng Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung, là Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:
Không thuộc trường hợp Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 662/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 597/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1985. Địa chỉ: G, khóm L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Địa chỉ liên hệ: số G đường N, phường F, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lê Hữu C, sinh năm 1985. Địa chỉ: G, khóm L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa ngày 19 tháng 12 năm 2023 nguyên đơn, bị đơn có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện nộp cho Tòa án ngày 05/7/2023, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H thể hiện nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

Bà và ông Lê Hữu C tự quen biết sau thời gian tìm hiểu cả hai đi đến hôn nhân và có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường M vào ngày 30/11/2005. Sau khi kết hôn trong quá trình chung sống ông C tham gia cờ bạc nhiều lần gây nợ nần dẫn đến vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn cuộc sống hằng

ngày cả hai thường hai cự cãi. Hiện tại mục đích cuộc hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Về hôn nhân: ly hôn với ông Lê Hữu C;

2/ Về con chung: có hai con chung Lê Thị Như N, sinh ngày 19/9/2003; Lê Nhựt H1, sinh ngày 22/8/2009. Khi ly hôn con chung Lê Thị Như N đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; riêng con chung Lê Nhựt H1 đang sống với ông C nên bà sẽ để ông C được nuôi con và bà cấp dưỡng nuôi cháu H1 2.000.000 đồng/tháng;

3/ Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4/ Về nợ chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn ông Lê Hữu C thể hiện ý kiến tại biên bản hòa giải ngày 20/11/2023 cũng như tại phiên tòa như sau:

Ông thống nhất cuộc hôn nhân giữa ông và bà H có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường M vào ngày 30/11/2005. Đối với yêu cầu ly hôn của bà H quá trình hòa giải ông không đồng ý vì ông vẫn còn thương vợ nên không muốn ly hôn và đề nghị Tòa án tạo điều kiện để ông và vợ có thêm cơ hội hàn gắn. Tuy nhiên, tại phiên tòa do bà H cương quyết nên ông đồng ý, không yêu cầu hàn gắn nữa.

Đối với con chung ông xác định ông và bà H có hai con chung là Lê Thị Như N, sinh ngày 19/9/2003; Lê Nhựt H1, sinh ngày 22/8/2009. Hiện hai con đang sống chung với ông. Trường hợp nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì con chung Lê Thị Như N đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; riêng cháu Lê Nhựt H1 ông yêu cầu được nuôi và đồng ý nhận mức cấp dưỡng theo yêu cầu của bà H.

3/ Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4/ Về nợ chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với ông C. Ông C có nơi cư trú tại thành phố L, tỉnh An Giang. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà H và ông C tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường M vào ngày 30/11/2005. Sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà H yêu cầu ly hôn với ông C. Nguyên nhân là do ông C tham gia cờ bạc gây nợ nhiều lần, dẫn đến trong cuộc sống hôn nhân hằng ngày cả hai thường xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã ly

thân khoảng sáu tháng nay. Hiện bà đang làm thuê ở thành phố Hồ Chí Minh; còn ông C vẫn ở nhà. Đối với yêu cầu ly hôn của bà H ông C đồng ý. Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, trong cuộc hôn nhân giữa bà H và ông C; ông, bà lại không thực hiện các nghĩa vụ này. Hiện cả hai mỗi người sống một nơi, không còn thực hiện các nghĩa vụ của vợ chồng với nhau. Hội đồng xét xử đã động viên bà H suy nghĩ và cho ông C thêm cơ hội sửa đổi, khắc phục mâu thuẫn để tiếp tục cuộc hôn nhân của cả hai. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ông C cũng không mong muốn tiếp tục cuộc hôn nhân này; còn bà H thì cương quyết ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để duy trì cuộc hôn nhân giữa ông, bà. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H với ông C.

[2.2] Về con chung: Bà H và ông C có hai con chung Lê Thị Như N, sinh ngày 19/9/2003; Lê Nhựt H1, sinh ngày 22/8/2009.

Hiện con chung Lê Thị Như N đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Riêng đối với cháu Lê Nhựt H1 chưa trưởng thành, hiện cháu đang sống với ông C. Khi ly hôn bà H và ông C thỏa thuận sẽ ổn định cho cháu H1 được tiếp tục sống với ông C. Sự thỏa thuận của bà H và ông C phù hợp với nguyện vọng của cháu H1 tại biên bản ghi ý kiến ngày 20/11/2023 nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu H1 cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng khi ông bà ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Đối với mức cấp dưỡng bà H đưa ra ông C thống nhất đồng ý, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân: Bà H và ông C tự thỏa thuận không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Bà H và ông C tự thỏa thuận không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 186, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu H với ông Lê Hữu C.

2/ Về quan hệ con chung: Bà H và ông C có hai con chung tên Lê Thị Như N, sinh ngày 19/9/2003; Lê Nhựt H1, sinh ngày 22/8/2009.

Hiện con chung Lê Thị Như N đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Riêng đối với Lê Nhựt H1 chưa trưởng thành. Khi ly hôn giao cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng. Ông C phải tạo điều kiện cho bà H trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H cấp dưỡng nuôi cháu Lê Nhựt H1 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng, cho đến khi con chung trưởng thành. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi con chung trưởng thành. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về quan hệ tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân: Tự thỏa thuận không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4/ Về quan hệ nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Tự thỏa thuận không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002508 ngày 16 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Bà H phải nộp thêm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thu H, ông Lê Hữu C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện

thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPLX;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLX;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Bé Thu

